

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2019/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 10 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Đức Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Lê Thị Huệ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quốc H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Lê Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh H kết hôn vào ngày 31 tháng 10 năm 2007, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh H. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2017 và ngày 27 tháng 02 năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở tổ dân phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, khi gia đình anh có nhu cầu vay vốn Ngân hàng nên yêu cầu chị ký vào hợp đồng vay nhưng chị không ký dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh H đã đánh chị.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Bị đơn anh Lê Quốc H trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm như chị L trình bày là đúng. Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị L là do chị L và mẹ anh không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh không lần nào đánh chị L. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008 và Lê Bảo N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012. Hiện hai cháu đang ở với anh H. Ly hôn, chị L và anh H đều xin được nuôi cháu Lê Quốc A và Lê Bảo N. Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu A, cháu N đủ 18 tuổi. Anh H yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng đối với cháu Lê Quốc A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh H có ý kiến đề nghị nếu Hội đồng xét xử giao cho anh, chị mỗi người nuôi 01 con chung thì anh, chị không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Về tài sản riêng: Chị L và anh H xác nhận vợ chồng không ai có tài sản riêng.

Về công nợ: Chị L và anh H xác nhận vợ chồng không cho ai vay, nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị L và anh H xác nhận chị L có khoảng 11 năm 04 tháng ở chung với gia đình anh H nhưng thời gian này chị L không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Chị L và anh H xác nhận chị L được cấp 01 sào 07 thước đất canh tác ở tổ dân phố G, thị trấn P, anh H được cấp 01 sào 06 thước đất canh tác ở tổ dân phố R, thị trấn P. Hiện nay, đất canh tác của ai do người đó đang quản lý. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Quốc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Bảo N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Quốc A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008 cho anh Lê Quốc H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có.

4. Về công sức, đất canh tác: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án cho các đương sự.

Ngày 26/7/2019 anh Lê Quốc H có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định nuôi con chung của Tòa án nhân dân huyện T, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Lê Bảo N và cháu Lê Quốc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quốc H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại

phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Quốc H trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu thu thập được xác định: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Quốc H kết hôn năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Đến ngày 27 tháng 02 năm 2019, chị L về gia đình bố mẹ đẻ chị ở tổ dân phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng vì vậy chị L làm đơn xin ly hôn anh H đồng ý ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị và giao mỗi người nuôi 1 con chung. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử xong anh H kháng cáo xin nuôi cả hai con.

Xét kháng cáo của anh H thấy rằng chị L và anh H có 02 con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008 và Lê Bảo N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012. Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên đều là chính đáng. Nguyện vọng của con trên 7 tuổi là cháu Lê Quốc A và cháu Lê Bảo N muốn ở với anh H. Tuy nhiên, nếu giao cả hai con cho chị L hay anh H nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N; giao cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H có nguyện vọng nếu không được nuôi 2 con, anh xin được nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N, giao cháu Lê Quốc A cho chị L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị L không đồng ý do vậy không thể chấp nhận việc thay đổi nuôi con của anh H. Hiện nay cháu Bảo N còn nhỏ, là con gái nên cấp sơ thẩm giao cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy kháng cáo của anh H không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Quốc H phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T về giao nuôi con chung.

Giao con chung Lê Bảo N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Quốc A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008 cho anh Lê Quốc H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Lê Quốc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0002825 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND TT P, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thúy Mai